TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 18/02/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Bình

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân

2. Ông Mai Trần Phúc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Xuân Hồng Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2018/TLST-DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2018, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-DS ngày 02/01/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Ngọc C, sinh năm 1982; Địa chỉ: khu phố N, phường M, thành phố N, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (theo giấy ủy quyền 09/7/2018) có mặt.

Bị đơn: Chị Võ Thị Thu N, sinh năm 1973; Anh Nguyễn Công K, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Anh Trần Vi Anh T, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.(theo giấy ủy quyền ngày 07/8/2018) vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng7 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Văn T là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Do quen biết với nhau nên từ ngày 03/9/2013 đến ngày 24/01/2014 DL, chị C và chị N, anh K có giao dịch mua bán vật liệu xây dựng gồm, sắt, kẽm, đá, cát, xi măng, gạch, ống nhựa, tole, gạch men…để xây nhà nghỉ tại xã Đ.

Tính từ ngày 03/9/2013 đến ngày 24 tháng 01 năm 2014, chị N, anh K mua tổng số tiền là 423.458.000 đồng. Chị N, anh K đã trả được số tiền 244.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 178.958.000 đồng, hẹn đến cuối tháng 12/2014 DL trả cho chị C, hai bên thỏa thuận lãi suất 1% /tháng, tiền lãi tính từ ngày 24/01/2014 đến ngày 14/02/2015 là 12 tháng 21 ngày thành tiền là 22.602.000 đồng. Sau đó, chị C giảm tiền lãi xuống còn 21.600.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 200.558.000 đồng. Ngày 14/02/2015, chị N trả được số tiền 5.000.000 đồng còn lại số tiền 195.558.000 đồng. Ngày 28/02/2015, chị N, anh K trả thêm cho chị C số tiền 5.000.000 đồng, còn lại số tiền 190.558.000 đồng đến nay chưa trả. Chị C có nộp cho Tòa án giấy hẹn trả nợ từ chữ " Hẹn tới 10/1/AL trả 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu) phần còn lại mỗi tháng trả 5.000.000 đồng (Năm triệu)" là chữ viết và chữ ký của chị N. Nay chị C yêu cầu chị N, anh K trả cho chị C số tiền 190.558.000 đồng không tính lãi suất.

Bị đơn: Anh Trần Vi Anh T là người đại diện hợp pháp cho bị đơn trình bày tại biên bản ngày 26 tháng 12 năm 2018.

Từ trước đến nay chị N, anh K không có mua gì của chị Ngô Ngọc C và cũng không có nợ gì với chị C. Chữ viết và chữ ký trong giấy nợ ngày 14/12/2015 từ chữ " Hẹn tới 10/1/(Al) trả 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu) phần còn lại mỗi tháng trả 5.000.000 đồng (năm triệu) không phải là chữ viết, chữ ký của chị Võ Thị Thu N".

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Ngọc C buộc chị Võ Thị Thu N và anh Nguyễn Công K trả cho chị C số tiền 190.558.000 đồng, ghi nhận chị C không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Vi Anh T là người đại diện hợp pháp cho bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T

[2] Về nội dung: Chị Ngô Ngọc C yêu cầu chị Võ Thị Thu N và anh Nguyễn Công K trả số tiền 190.558.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) không tính lãi suất.

Anh Trần Vi Anh T là người đại diện hợp pháp cho chị Võ Thị Thu N và anh Nguyễn Công K xác định chị N anh K không có mua bán gì với chị C và không có nợ tiền của chị C, chữ viết và chữ ký trong giấy hẹn trả nợ do nguyên đơn cung cấp không phải chữ viết và ký của chị N.

[3] Tại kết luận giám định số: 4440/C09B ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Phần chữ viết có nội dung: "Hẹn tới 10/1/AL trả 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu) phần còn lại mỗi tháng trả 5.000.000 đồng (Năm triệu) chữ ký Võ Thị Thu N" (Ký hiệu A) so với chữ viết, chữ ký đứng tên Võ Thị Thu N trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2) là do cùng một người viết và ký ra. Như vậy, có căn cứ xác định chữ viết, chữ ký "Hẹn tới 10/1/AL trả 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu) phần còn lại mỗi tháng trả 5.000.000 đồng (Năm triệu)" là chữ viết, chữ ký của chị Võ Thị Thu N.

Đối với anh Nguyễn Công K: Mặt dù trong giấy hẹn anh K không có ký tên nhưng đây là giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết trong gia đình, anh K là chồng nên phải có trách nhiệm liên đới cùng chị N trả nợ, theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của chị Ngô Ngọc C là có căn cứ, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C buộc chị Võ Thị Thu N và anh Nguyễn Công K có nghĩa vụ liên đới

trả cho chị Ngô Ngọc C số tiền 190.558.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng)

[4] Về chi phí tố tụng: Chị Võ Thị Thu N phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền chi phí giám định, ghi nhận chị N đã nộp xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Thu N và anh Nguyễn Công K phải chịu 9.528.000 đồng (Chín triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 428 và Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Ngọc C, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

Buộc chị Võ Thị Thu N và anh Nguyễn Công K có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Ngô Ngọc C số tiền 190.558.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về chi phí tố tụng: Chị Võ Thị Thu N phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền chi phí giám định, ghi nhận chị N đã nộp xong.

-Về án phí: Chị Võ Thị Thu N và anh Nguyễn Công K phải chịu 9.528.000 đồng (Chín triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Ngô Ngọc C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh hoàn trả lại cho chị C số tiền 4.763.950 đồng (Bốn triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0018713 ngày 12 tháng 7 năm 2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H. T;
- THADS H. T;
- Các đương sự;
- Lưu : Tập án , H/s.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Linh – Hoàng Đình Ngân **Nguyễn Thị Minh Bình**